

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 01/2020/HC-PT

Ngày: 22/06/2020

V/v: “*Khiếu kiện các quyết định
hành chính về giải quyết tranh
chấp quyền sử dụng đất*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thanh

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Phương

Ông Trần Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Nhật - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 18, 19 và 22 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLPT-HC ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Khiếu kiện các quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C2, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐXXPT - HC ngày 01/04/2020; Thông báo thay đổi ngày xét xử số 01/2020/TB-HC ngày 15/04/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 01/2020/QĐPT - HC ngày 08/05/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 02/2020/QĐPT - HC ngày 28/05/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 04/2020/QĐPT - HC ngày 10/06/2020, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1/ Ông Tôn Thất H – sinh năm 1960

2/ Bà Trần Thị T – sinh năm 1963

Cùng trú tại: Tổ A, phường B, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. (Đều có mặt)

*** Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T:** Luật sư Nguyễn Văn H1 – Văn Phòng Luật sư Văn H1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

*** Người bị kiện:** Chủ tịch UBND huyện C2, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trí T – Phó chủ tịch UBND huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

*** Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện C2:** Ông Huỳnh Quốc D – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường. (Vắng mặt)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Trần G – sinh năm 1938

Địa chỉ: tổ dân phố E, phường F, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

2/ Bà Cao Thị S

Địa chỉ: xóm 9, thôn I, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

3/ Bà Bo Thị T1

Địa chỉ: xóm 9, thôn I, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

4/ Ông Cao Y T

Địa chỉ: xóm 9, thôn I, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

5/ Bà Bo Thị P

Địa chỉ: xóm 9, thôn I, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

6/ Bà Cao Thị H

Địa chỉ: xóm 9, thôn I, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

7/ Bà Bo Thị T2

Địa chỉ: xóm 9, thôn I, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

8/ Ông Bo Văn N

Địa chỉ: xóm 9, thôn I, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

9/ Ông Tro Hậu P

Địa chỉ: xóm 9, thôn I, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

10/ Ông Cẩm Văn T

Địa chỉ: xóm 9, thôn I, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

** Người làm chứng:*

1/ Ông Bùi Hữu L, sinh năm 1943

Địa chỉ: TDP O, phường Q, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1948

Địa chỉ: 190A đường U, TDP V, phường X, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

3/ Ông Đặng Trung T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Y, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

** Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C2 tỉnh Khánh Hòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khu đất lâm nghiệp thôn I, xã M, huyện C1 (nay là huyện C2), tỉnh Khánh Hòa diện tích 43ha5360m² có nguồn gốc do Nhà nước quản lý. Ngày 05/02/1992 ông Ngô B và các thành viên Tổ trồng rừng xã M có đơn xin giao đất để khai hoang trồng bạch đàn xuất khẩu. Ngày 05/4/1993 UBND huyện C1 có quyết định 161/QĐ-UB về việc giao đất trồng rừng cho Tổ trồng rừng xã M với diện tích 43ha5360m² (quyết định không thể hiện thời hạn được giao sử dụng đất). Do việc sử dụng đất trồng bạch đàn không hiệu quả, tổ trồng rừng xã M, huyện C1 (nay là huyện C2), tỉnh Khánh Hòa thống nhất chuyển nhượng toàn bộ diện tích 43ha5360m² cho ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T và ông Trần G với số tiền 79.023.000đ và được UBND xã M ký xác nhận ngày 24/10/2006. Năm 2007, ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T san ủi đất để canh tác sản xuất,

trong đó có cả phần đất của các hộ đồng bào thôn I, xã M đang canh tác và xảy ra tranh chấp. Ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T đã tự nguyện bồi thường hoa màu, cây trồng cho một số hộ đồng bào có đất bị san ủi. Năm 2015, các hộ ông Tro Hậu P, Bo Văn N, Cao Y T, Bo Thị T2, Cao Thị H, Bo Thị T1, Bo Thị P, Cao Thị S, Cầm Văn T đã gửi đơn đến UBND huyện C2 để đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T. Chủ tịch UBND huyện C2 ban hành các quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 25/4/2015; số 607/QĐ-UBND ngày 27/4/2015; số 610/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 611/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 612/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 613/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 782/QĐ-UBND ngày 14/5/2015; số 738/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 giải quyết tranh chấp đất đai của các hộ đồng bào nêu trên với ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T.

Người khởi kiện ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T trình bày:

Ngày 05/4/1993, UBND huyện C1 ban hành quyết định số 161/QĐ-UB về việc giao đất trồng rừng cho Tổ trồng rừng xã M với diện tích 43ha5360m². Năm 2004, tổ trồng rừng xã M đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T 40ha và chuyển nhượng cho ông Trần G 03ha5360m². Việc chuyển nhượng trên là hợp pháp và được UBND xã M ký xác nhận. Khi cắm mốc trên thực địa, tổ trồng rừng chỉ giao cho vợ chồng ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T, ông Trần G phần đất nằm phía Bắc Suối Đá và nói phần đất này là 43ha. Tuy nhiên, đến năm 2012, UBND xã M có quyết định 1139/QĐ-UBND về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên của ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T với lý do hợp đồng không có số. Ngày 24/12/2012, UBND huyện C2 có thông báo số 378/TB-UBND về việc doanh nghiệp tư nhân Glán chiếm đất của đồng bào dân tộc xã M. Việc chủ tịch UBND huyện C2 ban hành các quyết định giao đất cho các hộ đồng bào là xâm phạm đến quyền lợi của ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T. Do đó, ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 25/4/2015; số 607/QĐ-UBND ngày 27/4/2015; số 610/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 611/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 612/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 613/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 782/QĐ-UBND ngày 14/5/2015; số 738/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện C2 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa các hộ đồng bào thôn I và ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện C2 trình bày:

Năm 2015, UBND huyện C2 nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của các hộ ông Tro Hậu P, ông Bo Văn N, ông Cao Y T, bà Bo Thị T2, bà Cao Thị H, bà Bo Thị T1, bà Bo Thị P, bà Cao Thị S, ông Cầm Văn T. Trên cơ sở báo cáo số 08/BC-UBND ngày 28/01/2015 của UBND xã M về việc hòa giải không thành tranh chấp đất đai của các hộ đồng bào thôn I và ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T. Do đó, UBND huyện C2 đã ban hành các quyết định số 281 đến 289/QĐ-UBND ngày 04/3/2015 về việc thụ lý đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của các ông bà nêu trên với ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T.

Ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T đã nhận chuyển nhượng đất từ năm 2004 nhưng đến năm 2007, ông bà mới bắt đầu sử dụng. Như vậy, ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T đã không sử dụng đất liên tục là 03 năm. Mặt khác, việc san

ui, chiếm đất và sử dụng đất không đúng của vợ chồng Tôn Thất H và bà Trần Thị T đã bị xử phạt hành chính tại quyết định số 428/QĐ-XPHC ngày 04/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện C2, đồng thời buộc khôi phục lại tình trạng đất trước khi vi phạm.

Khu vực các thửa đất tranh chấp có nguồn gốc do các hộ đồng bào khai hoang từ trước năm 2003 và không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai 2013 thì Chủ tịch UBND huyện C2 giải quyết tranh chấp nêu trên là đúng thẩm quyền.

Các thửa đất tranh chấp thuộc khu đất của tổ trồng rừng đã trồng bạch đàn. Trên thực tế có 01 con đường mòn đi ven theo suối T của các hộ làm rẫy tách biệt với khu đất của Tổ trồng rừng đã trồng bạch đàn. Ngoài ra, theo lược đồ mô tả vị trí, hình thể khu đất UBND huyện C1 giao cho tổ trồng rừng xã M có tổng diện tích 43ha5360m² được chia thành 02 phần. Phần diện tích phía Bắc Suối Đá là 28ha6320m², phần diện tích phía Nam Suối Đá là 14ha9040m². Tuy nhiên, theo trích đo địa chính thửa đất do Công ty TNHH địa chính 7 đo đạc (*dưới sự chỉ ranh của ông Tôn Thất H*) thì tổng diện tích phía Bắc Suối Đá là 59ha3560.2m² (*trong đó phần diện tích tranh chấp với các hộ dân tộc là 14 ha 4905m2*).

Từ những căn cứ nêu trên, việc Chủ tịch UBND huyện C2 ban hành các quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 25/4/2015; số 607/QĐ-UBND ngày 27/4/2015; số 610/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 611/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 612/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 613/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 782/QĐ-UBND ngày 14/5/2015; số 738/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa các hộ đồng bào thôn I và ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T là đúng quy định của pháp luật. Việc ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C2 hủy bỏ các quyết định nêu trên là không có căn cứ.

Các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tro Hậu P, ông Bo Văn N, ông Cao Y T, bà Bo Thị T2, bà Cao Thị H, bà Bo Thị T1, bà Bo Thị P, bà Cao Thị S, ông Cẩm Văn T trình bày: Các thửa đất của các ông, bà không thuộc khu đất của tổ trồng rừng được giao, các thửa đất này đã được các ông, bà khai hoang canh tác từ những năm 1985, 1986. Các ông, bà đều thống nhất với ý kiến của đại diện người bị kiện là bác yêu cầu hủy các quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 25/4/2015; số 607/QĐ-UBND ngày 27/4/2015; số 610/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 611/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 612/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 613/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 782/QĐ-UBND ngày 14/5/2015; số 738/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa các hộ đồng bào thôn I và ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần G trình bày:

Năm 2004, ông Trần G có nhận sang nhượng 03ha 3560m² đất rừng từ tổ trồng rừng xã M, nhưng đến năm 2006 mới làm hợp đồng và được UBND xã M xác nhận. Phần đất này ông nhập chung với phần đất mà ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T nhận chuyển nhượng nên ông không xác định được vị trí thực tế đất trên thực địa. Khi cắm mốc trên thực địa ông có tham gia, tổ trồng rừng xã M chỉ giao cho ông và ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T phần đất từ Suối Đá trở về

phía Bắc, còn phần đất từ Suối Đá trở về phía Nam thì tổ trồng rừng không giao. Ông Trần G yêu cầu Tòa án hủy bỏ các quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 25/4/2015; số 607/QĐ-UBND ngày 27/4/2015; số 610/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 611/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 612/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 613/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; số 782/QĐ-UBND ngày 14/5/2015; số 738/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa các hộ đồng bào thôn I và ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T.

Các người làm chứng ông Nguyễn Thanh K, Bùi Hữu L và Đặng Trung T trình bày:

Ông Nguyễn Thanh K là thành viên của Tổ trồng rừng xã M. Do khi đó ông đang công tác nên không tham gia, chủ yếu là do ông Ngô B, ông Hoàng T, Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn H2 triển khai. Ông được biết Tổ trồng rừng chuyển nhượng đất cho ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T để lấy tiền trả nợ ngân hàng.

Ông Bùi Hữu L là thủ quỹ của Tổ trồng rừng xã M. Ông được biết Tổ trồng rừng chuyển nhượng đất cho ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T để lấy tiền trả nợ ngân hàng.

Ông Đặng Trung T có tên trong danh sách ghi trên lược đồ giao đất cho Tổ trồng rừng xã M nhưng thực tế ông không tham gia trồng rừng cùng với tổ. Căn cứ vào lược đồ thì khu đất giao cho Tổ trồng rừng được chia làm hai phần gồm: Nam Suối Đá và Bắc Suối Đá. Ban đầu Tổ trồng rừng phát dọn toàn bộ khu đất và trồng rừng. Nhưng sau đó do năng hạn nên phần đất phía Bắc Suối Đá đã bỏ hoang, cây rừng mọc trở lại. Khi cắm mốc trên thực địa giao cho ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T thì UBND xã M có cử cán bộ địa chính đi cùng. Còn thực tế như thế nào thì ông không nắm rõ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C2, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 203 Luật Đất đai 2013.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T về việc yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 25/4/2015; quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 27/4/2015; quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 14/5/2015; quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện C2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2019, người khởi kiện ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T, Luật sư Nguyễn Văn HI trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng các thủ tục tố tụng như sau: không đưa UBND xã M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; không xem xét giải quyết yêu cầu về hành vi hành chính là không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T; người khởi kiện là Doanh nghiệp tư nhân G không phải là ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T; theo Trích đo địa chính khu đất do Công ty TNHH Địa chính 7 đo đạc (*dưới sự chỉ ranh của ông Tôn Thất H*), tổng diện tích phía Bắc Suối Đá là 59ha3506,2m² thì ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T không đồng ý. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án huyện C2 xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính và các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T và giữ nguyên nội dung bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện C2, Ông Nguyễn Trí T- Phó chủ tịch UBND huyện C2, tỉnh Khánh Hòa; người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện C2: Ông Huỳnh Quốc D - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 158 Luật tố tụng Hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện, người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là đúng quy định của pháp luật.

- Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần G, những người làm chứng ông Nguyễn Thanh K, Bùi Hữu L và Đặng Trung T nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 159 Luật tố tụng Hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần G và các người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

- Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hành chính sơ thẩm và phúc thẩm người khởi kiện, ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 25/4/2015; quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 27/4/2015; quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 14/5/2015; quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện C2 và công nhận diện tích đất 43ha5360m² tại xóm 09, thôn I, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa

thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T đối với các Quyết định hành chính mà không xét yêu cầu khởi kiện công nhận diện tích đất 43ha5360m² tại xóm 09, thôn I, xã M, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T là đúng với quy định tại Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính. Vì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T đối với các Quyết định hành chính nêu trên nên không đưa Ủy ban nhân dân xã M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng với các quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C2, tỉnh Khánh Hòa và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án huyện C2 xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, năm 2004, Tổ trồng rừng xã M đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T 40ha và chuyển nhượng cho ông Trần G 03ha 5360m². Theo lược đồ khu đất ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ.UB ngày 05/04/1993 của Ủy ban nhân dân huyện C1 giao cho Tổ trồng rừng thì khu đất chia làm hai phần, bao gồm: diện tích phía Nam Suối Đá 14ha9040m² và diện tích phía Bắc Suối Đá 28ha6320m². Ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T và ông Trần G đều thừa nhận khi cắm mốc thực địa cùng cán bộ địa chính thì các ông, bà chỉ được Tổ trồng rừng giao phần đất thuộc phía Bắc Suối Đá mà không được giao phần đất phía Nam Suối Đá. Đối với phần đất phía Nam Suối Đá thì vào năm 2009 đã bị Nhà nước thu hồi 06ha3325,8m² để làm Hồ chứa nước T và Tổ trồng rừng đã được nhận hỗ trợ bồi thường. Do vậy, phần diện tích phía Bắc Suối Đá chỉ có 28ha6320m² nhưng Tổ trồng rừng đã chuyển nhượng cho ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T và ông Trần G tổng cộng là 43ha5360m² là vượt quá diện tích đã được Ủy ban nhân dân huyện C1 giao theo Quyết định số 161/QĐ.UB ngày 05/04/1993 nên Ủy ban nhân dân xã M đã ban hành Quyết định số 1.139/QĐ-UB ngày 20/07/2012. Về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; lý do hủy: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có số, không đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo trích đo địa chính khu đất do Công ty TNHH Địa chính 07 đo đạc (*dưới sự chỉ ranh của ông Tôn Thất H*) thì tổng diện tích phía Bắc Suối Đá là 59ha3506.2m² (*phần diện tích tranh chấp với các hộ đồng bào là 14ha4905m²*). Như vậy, sau khi trừ đi phần diện tích đất tranh chấp với các hộ đồng bào thì diện tích đất thực tế mà ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T và ông Trần G đang quản lý là 44ha8601.2m². So với lược đồ khu đất ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ.UB ngày 05/04/1993 của Ủy ban nhân dân huyện C1 giao cho Tổ trồng rừng thì diện tích đất mà ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T và ông Trần G đang quản lý là còn thừa 16ha2281.2m². Ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T không thừa nhận bản vẽ trích đo địa chính khu đất do Công ty TNHH Địa chính 07 đo đạc. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, ông Tôn Thất H là người trực tiếp tham gia đề chỉ ranh đo vẽ và ông cũng tham gia các buổi đối thoại, công khai chứng cứ nhưng ông không có bất cứ khiếu nại gì cũng như việc yêu cầu đo vẽ

lại đối với bản vẽ trích đo địa chính khu đất do Công ty TNHH Địa chính 07 nên việc ông Tôn Thất H, bà Trần Thị T không thừa nhận là không có cơ sở.

Mặt khác, khi Tổ trồng rừng xã M được Ủy ban nhân dân huyện C1 giao đất thì đã có các hộ đồng bào đang canh tác tại phần đất giáp với suối T. Hiện tại đang còn tồn tại 01 (Một) con đường mòn ven suối T của người dân đi làm rẫy, cũng chính là ranh giới giữa phần đất của các hộ đồng bào canh tác với đất trồng bạch đàn của Tổ trồng rừng. Quá trình canh tác của các hộ đồng bào và Tổ trồng rừng không xảy ra tranh chấp và không bị chính quyền địa phương xử lý hành chính.

Từ các nhận định nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T và cần giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Về án phí: ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C2, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Điều 30, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 203 Luật Đất đai 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

* **Tuyên xử:** Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T. Về việc hủy quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 25/4/2015; quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 27/4/2015; quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 04/5/2015; quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 14/5/2015; quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện C2.

Về án phí: Ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0007985 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C2, tỉnh Khánh Hòa. Ông Tôn Thất H và bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện C2;
- VKSND huyện C2;
- Chi cục THADS huyện C2;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Đình Thanh